

Bản án số: 211/2019/HS-ST
Ngày: 30/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Lê Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 190/2019/TLST-HS ngày 05/7/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2019/QĐXXST-HS ngày 16/7/2019, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thế H (tên gọi khác: Hải chó); sinh năm: 1982; tại: An Giang; hộ khẩu thường trú: 789/10 Tỉnh lộ x, khu phố y, phường z, quận t, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: Nhà không số, tổ 3, ấp A, xã B, huyện C. tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn G; và bà: Dương Thị N; vợ: Nguyễn Thị Hồng Q; có 02 con (sinh năm 2012, 2014); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 21/12/2018, bị Tòa án huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 66/2018/HSST); bị bắt, tạm giam ngày: 07/6/2018. (Có mặt)

2. Đoàn Thanh S (tên gọi khác: Sìn); sinh năm: 1987; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 97/19/22 Quốc lộ x, khu phố y, phường z, quận t, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn L; và bà: Nguyễn Thị C; vợ: Nguyễn Thị L; chưa có con; tiền án: Ngày 25/12/2008, bị Tòa án nhân dân Thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 30/8/2010 chấp hành xong, Ngày 19/5/2011, bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 24/10/2014 chấp hành xong, Ngày 16/6/2015, bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 02/12/2016 chấp hành xong; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 26/5/2018. (Có mặt)

3. Cao Văn Đ; sinh năm: 1989; hộ khẩu thường trú: không; cư trú: không nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Văn Q; và bà: Nguyễn Thị P;

chưa có vợ con; tiền án: Ngày 16/6/2008 bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 22/03/2011 chấp hành xong, Ngày 03/12/2012, bị Toà án nhân dân Thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 năm tù về tội "Cướp tài sản", ngày 09/02/2018 chấp hành xong; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 05/7/2018. (Có mặt)

4. Phạm Quốc V (tên gọi khác: Sói); sinh năm: 1986; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 20 đường x, tổ 3, khu phố y, phường z, quận t, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Quốc C; và bà: Trần Thị Ngọc H; vợ: Lý Tiểu M; chưa có con; tiền án: Ngày 09/6/2016 bị Toà án nhân dân quận T xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma tuý”, ngày 24/12/2017 chấp hành xong; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 30/9/2008, bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 27/10/2010 chấp hành xong; bị bắt, tạm giam ngày: 07/8/2018. (Có mặt)

- *Bị hại:* Chị Võ Thị C, sinh năm 1959, địa chỉ: 5N3 đường x, phường y, thành phố z, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Sơn T, sinh năm 1973. (Vắng mặt)
2. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1995. (Vắng mặt)
3. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 21/5/2018, Nguyễn Thế H gặp Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ và Phạm Quốc V tại khu phố y, phường z, quận t, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, H rủ S, Đ và V đi cướp giật tài sản của người khác lấy tiền chia nhau tiêu xài thì S Đ và V đồng ý. H điều khiển xe Yamaha Sirius biển số 62L1-466.67 chở S, còn Đ điều khiển xe Wave (không rõ biển số), V điều khiển xe Exciter (không rõ biển số) chạy theo sau đến cây xăng số 2 tại số 139B quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thấy chị Võ Thị C là người mà H theo dõi từ trước để giở nựa lên ba ga sau yên xe đạp bên trong có số tiền 478.000.000 đồng, 01 túi vải màu đen, 01 nón vải màu đỏ và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 đang lấy nước uống, H rủ S giật thì S đồng ý còn Đ và V đứng ngoài đường trước cây xăng số 2 cảnh giới và cản địa. Sau đó, H điều khiển xe áp sát xe đạp của chị C cho S ngồi sau dùng tay trái giật giỏ xách rồi tăng ga tẩu thoát chạy về hướng cầu vượt Bình Phước.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản, H điều khiển xe mô tô chở S chạy về phòng trọ của H tại khu phố y, phường z, quận t còn Đ và V chạy theo sau. Tại đây, H mở giỏ xách vừa giật của chị C ra chia cho S 120.000.000 đồng, chia cho Đ 130.000.000 đồng, chia cho V 123.000.000 đồng. H được 105.000.000 đồng rồi tất cả bỏ trốn. Số tiền có được, S về nhà đưa 25.000.000 đồng cho Nguyễn Thị L là vợ S nói tiền mượn để làm ăn. Số tiền còn lại H, S, Đ và V tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị cướp giật tài sản, chị C đến Công an phường Tam Bình, quận Thủ Đức trình báo vụ việc trên. Qua hệ thống camera an ninh phường Tam Bình và phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. Ngày 26/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận

Thủ Đức ra quyết định bắt khẩn cấp đối với Đoàn Văn S, ngày 07/6/2018 bắt Nguyễn Thế H, ngày 05/7/2018 bắt Cao Văn Đ và ngày 07/8/2018 bắt Phạm Quốc V.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Đoàn Thanh S, Nguyễn Thế H, Cao Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Riêng Phạm Quốc V thừa nhận chỉ nhận số tiền 83.000.000 đồng từ H và biết là tiền do phạm tội mà có, nhưng quanh co không thừa nhận việc cùng H, S và Đ đi cướp giật tài sản vào ngày 21/5/2018. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản ghi lời khai bị hại, người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng ... cùng các tài liệu khác, có đủ căn cứ để chứng minh Phạm Quốc V là người cùng H, S và Đ thực hiện hành vi cướp giật 01 giỏ bên trong có số tiền 478.000.000 đồng, 01 túi vải màu đen, 01 nón vải màu đỏ và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 của chị Võ Thị C vào ngày 21/5/2018.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số 1621 ngày 30/7/2018 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự quận Thủ Đức xác định: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu đen có giá 3.000.000 đồng; 01 giỏ nhựa màu đỏ có giá 30.000 đồng; 01 túi vải màu đen có giá 40.000 đồng; 01 nón vải màu đỏ có giá 50.000 đồng, tổng cộng là 3.120.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- Số tiền 25.000.000 đồng (do chị Linh vợ S giao nộp) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 màu đen. Ngày 17/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức ra Quyết định xử lý vật chứng và trả cho chị Võ Thị C là chủ sở hữu.

- Một xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen gắn biển số 62L1-466.67 Qua xác minh biển số xe và số máy, số khung không trùng khớp chủ sở hữu. Xác minh biển số xe 62L1-466.67 là xe Exciter màu xanh bạc, đứng tên chủ sở hữu là anh Võ Văn H, sinh năm 1990, HKTT: ấp x, xã y, huyện z, tỉnh Long An. Ghi lời khai của anh H xác định vào khoảng tháng 7/2017, anh bị mất biển số xe trên. Hiện nay anh H đã xin cấp biển số mới. Xác minh số máy: 5C63-613193, số khung: RLCS5C630CY613167 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen có biển số 68G3-051.69 và đứng tên chủ sở hữu là anh Ngô Hồng N, sinh năm 1981, HKTT: Thị trấn y, huyện z, tỉnh Kiên Giang, anh N khai bị mất xe trên vào tháng 10/2017 tại Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Do đó, ngày 19/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức bàn giao xe mô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiếp nhận thụ lý điều tra theo thẩm quyền. H khai xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen mua lại của người thanh niên không lai lịch (xe không có giấy tờ), sau khi thực hiện cướp giật tài sản, H đã vứt biển số 62L1-466.67 đi và gắn biển số 54P3-5991 giả vào.

- 01 biển số 54P3-5991; 01 điện thoại Nokia màu xám thu giữ của H.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Võ Thị C yêu cầu S, H, Đ và V bồi thường số tiền 453.000.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị L (là vợ S) được S đưa cho 25.000.000 đồng nhưng không biết là tài sản do S phạm tội mà có. Sau khi bị phát hiện, chị L đã nộp lại số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thế H, Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Riêng bị cáo Nguyễn Thế H khai bị cáo không phải là người chủ mưu, rủ rê mà do bị cáo S rủ, bị cáo Phạm Quốc V khai không biết việc cướp giật, bị cáo chỉ chở bị cáo Đ ra chợ, sau đó chở về để Đ lấy xe, bị cáo bỏ đi công việc. Khi Đ điện thoại kêu bị cáo đến nhà bị cáo H thì bị cáo mới biết việc

cướp giạt và được chia tiền.

[2] Bản Cáo trạng số 129/CT-VKSTĐ ngày 24/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Nguyễn Thế H, Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ, Phạm Quốc V về tội “Cướp giạt tài sản” quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo phạm tội “Cướp giạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 171 Bộ luật hình sự, và tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm đối với S, Đ, tình tiết tái phạm đối với bị cáo V, tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo để xử phạt bị cáo S từ 10 năm đến 11 năm tù, bị cáo Đ từ 10 năm đến 11 năm tù, bị cáo V từ 09 năm đến 10 năm tù, bị cáo H từ 09 năm đến 10 năm tù và tổng hợp hình phạt của bản án trước; phần dân sự buộc các bị cáo Nguyễn Thế H, Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ, Phạm Quốc V liên đới bồi thường cho chị Võ Thị C 453.000.000 đồng, tịch thu tiêu hủy 01 biển số 54P3-5991, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia màu xám.

Bị cáo Nguyễn Thế H, Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ, Phạm Quốc V không tranh luận hoặc bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng

Nguyễn Thế H ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt

Đoàn Thanh S rất hối hận, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt

Cao Văn Đ rất ăn năn hối cải, xin mức án nhẹ nhất

Phạm Quốc V xin xem xét cho bị cáo một cách công tâm, khách quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thế H, Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ về hành vi phạm tội phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Thế H, Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ, Phạm Quốc V đã có hành vi cướp giạt tài sản của bị hại chị Võ Thị C. Tài sản chiếm đoạt là 01 giỏ nhựa màu đỏ có giá 30.000 đồng, bên trong có số tiền 478.000.000 đồng, 01 túi vải màu đen có giá 40.000 đồng, 01 nón vải màu đỏ có giá 50.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 có giá 3.000.000 đồng, tổng cộng 481.120.000 đồng. Tuy bị cáo Phạm Quốc V trong các biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất và tại phiên tòa khai không biết, không bàn bạc việc cướp giạt tuy nhiên căn cứ lời khai của bị cáo Nguyễn Thế H (Hải) xác định khi rủ đi cướp giạt tài sản thì có Đoàn Thanh S (Sìn), Cao Văn Đ và Phạm Quốc V (Sói) và tất cả đều đồng ý và

cùng đi, lời khai của bị cáo H phù hợp với bị cáo S, bị cáo Đ; bị cáo Đ còn khai sau khi cả bọn đồng ý cùng nhau đi cướp giật, bị cáo V còn kêu để bị cáo V chở bị cáo Đ, tuy nhiên khi ra tới nơi, thấy nhiều người quen thì bị cáo Đ mới nói V chở về để lấy xe đi riêng để tránh bị phát hiện, sau khi đi về, bị cáo Đ và bị cáo V cùng đi ra, sau đó bị cáo H cùng S giật tài sản; ngay sau khi giật được tài sản quay về cùng nhau chia tiền và bỏ trốn. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Thế H, Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ, Phạm Quốc V đã phạm vào “Tội cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định, trưng trị tại Điều 171 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ vụ lợi, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật của Nhà nước. Tính nguy hiểm của hành vi bị cáo thực hiện còn thể hiện ở việc các bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị tổng cộng 481.120.000 đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 171 Bộ luật hình sự. Các bị cáo phạm tội có đồng phạm, tuy bị cáo H khai do S rủ nhưng quá trình điều tra, cả bị cáo H và các bị cáo S, Đ đều khai bị cáo H rủ và khi rủ còn nói đã theo dõi bị hại từ trước và biết số tiền bị hại đem theo trong giỏ xách là 200, 300 trăm triệu đồng, phù hợp với diễn biến vụ án. Như vậy có cơ sở xác định bị cáo H là người chủ mưu, rủ rê và cũng là người thực hành, điều khiển xe ép sát để đồng bọn cướp giật bị cáo S cũng là đồng phạm thực hành, trực tiếp giật tài sản, các bị cáo Đ, V cảnh giới và chuẩn bị để cản trở người truy đuổi. Về nhân thân, ngày 21/12/2018, bị cáo Nguyễn Thế H bị Tòa án huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, do bị cáo bị xét xử sau ngày phạm tội trong vụ án này nên không bị xem là tiền án, nhưng cũng cần xem xét về nhân thân và tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án đã bị xét xử; bị cáo Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ nhiều lần bị Tòa án xét xử, đã tái phạm, chưa được xóa án lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo Phạm Quốc V đã bị tòa án xét xử, chưa được xóa án, thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xử lý các bị cáo với mức án nghiêm phù hợp với tính chất, hành vi, mức độ phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[3] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo H, S, Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo V không có tình tiết giảm nhẹ nào.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Bị hại chị Võ Thị C yêu cầu buộc các bị cáo bồi thường số tiền 453.000.000 đồng, đối với 01 giỏ nhựa màu đỏ, 01 túi vải màu đen, 01 nón vải màu đỏ chị không có yêu cầu bồi thường. Xét thấy, chị C bị chiếm đoạt số tiền 478.000.000 đồng, đã nhận lại 25.000.000 đồng thu hồi từ chị Nguyễn Thị L, nên yêu cầu bồi thường 453.000.000 đồng của chị C là có cơ sở nên cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường. Về trách nhiệm theo phần, do khi chia số tiền 478.000.000 đồng, các bị cáo không đếm mà chỉ chia theo cọc, nên số tiền các bị cáo tự khai nhận là bị cáo S được 120.000.000 đồng, bị cáo Đ 130.000.000 đồng, bị cáo H 105.000.000 đồng, số tiền còn lại 123.000.000 đồng nhưng bị cáo V chỉ thừa nhận chỉ nhận 83.000.000 đồng. Do không có chứng cứ xác định chính xác số tiền từng bị cáo đã nhận nên Hội đồng xét xử xét buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm theo phần như nhau là 119.500.000 đồng, riêng phần của bị cáo S đã thu hồi

25.000.000 đồng.

- 01 biên số 54P3-5991 là biên số giả, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy

- 01 điện thoại Nokia màu xám thu giữ của H là công cụ, phương tiện liên lạc khi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trên trị giá tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế H, Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ, Phạm Quốc V phạm “Tội cướp giật tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Thế H 12 (Mười hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Bản án số 66/2018/HSST ngày 21/12/2018 của Tòa án huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Nguyễn Thế H phải chấp hành hình phạt chung là 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2018.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 171, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

2. Bị cáo Đoàn Thanh S 12 (Mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2018.

3. Bị cáo Cao Văn Đ 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2018.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 171, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

4. Bị cáo Phạm Quốc V 11 (Mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2018.

- Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc các bị cáo Nguyễn Thế H, Đoàn Thanh S, Cao Văn Đ, Phạm Quốc V liên đới bồi thường cho chị Võ Thị C 453.000.000 (Bốn trăm năm mươi ba triệu) đồng (trách nhiệm theo phần của mỗi bị cáo H, Đ, V là 119.500.000 (Một trăm mười chín triệu năm trăm ngàn) đồng, của bị cáo S là 94.500.000 (Chín mươi bốn triệu năm trăm ngàn) đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 biên số 54P3-5991

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Nokia màu xám (không hoạt động)

(Phiếu nhập kho số 149 ngày 27/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức)

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, mỗi bị cáo chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; mỗi bị cáo Nguyễn Thế H, Cao Văn Đ, Phạm Quốc V còn phải chịu 5.975.000 (Năm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng, bị cáo Đoàn Thanh S chịu 4.725.000 (Bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại, vắng mặt, thời gian kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại;
- VKSND, CA, Chi cục THA Q.TĐ;
- PC27;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn